

NHẬN DIỆN HIỆN TƯỢNG TÔN GIÁO MỚI THEO QUAN ĐIỂM CỦA CÁC TÁC GIẢ VIỆT NAM HIỆN NAY

Tóm tắt: Ở Việt Nam trong những năm gần đây, sự xuất hiện và phát triển ngày càng nhiều các hiện tượng tôn giáo mới đã thu hút được sự quan tâm nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước. Các bài viết không chỉ lý giải các khía cạnh chung quanh vấn đề lý luận và thực tiễn, như: thuật ngữ “hiện tượng tôn giáo mới”, đặc điểm và nguyên nhân xuất hiện, phát triển của các “hiện tượng tôn giáo mới”, thực trạng và đánh giá những tác động của các “hiện tượng tôn giáo mới đến đời sống xã hội.... Đặc biệt hơn, bản chất bên trong cũng như những dấu hiệu bên ngoài để xem xét thế nào là một “hiện tượng tôn giáo mới” cũng được phân tích trong nhiều bài viết về “nhận diện hiện tượng tôn giáo mới”. Bài viết này trên cơ sở phân tích và tổng hợp những quan điểm “nhận diện hiện tượng tôn giáo mới” của các tác giả Việt Nam đưa ra những phân tích và đánh giá, rút ra những nhận định về các tiêu chí để nhận diện “hiện tượng tôn giáo mới”.

Từ khóa: Tôn giáo mới, nhận diện, quan điểm, Việt Nam.

Dẫn nhập

Hiện nay, ở Việt Nam xuất hiện nhiều hiện tượng tôn giáo¹. Do đó, việc nhận diện các hiện tượng tôn giáo mới được các nhà nghiên cứu trong nước đặt ra và đã có nhiều tranh luận xung quanh vấn đề này. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi chỉ tập trung trình bày và phân tích các quan điểm về “nhận diện hiện tượng tôn giáo mới” theo quan điểm của các tác giả Việt Nam hiện nay. Để từ đó có cái nhìn chung và rút ra một số nhận xét mang tính kế thừa và có giá trị khoa học khi nghiên cứu, tiếp cận về hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam hiện nay.

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ngày nhận bài: 31/10/2017; Ngày biên tập: 13/11/2017; Ngày duyệt đăng: 23/11/2017.

Nhận diện được hiểu là xem xét, tìm hiểu để có thể phát hiện, nhìn nhận và chỉ ra được những dấu hiệu bên ngoài cũng như bản chất của đối tượng đang bị che giấu hay đối tượng đang cần tìm. Theo cách hiểu như vậy, nhận diện “hiện tượng tôn giáo mới” chính là việc làm của các tác giả về vấn đề này để chỉ ra được những dấu hiệu bên ngoài và bản chất của nó. Nhận diện về hiện tượng tôn giáo mới có thể theo nhiều cách khác nhau phụ thuộc vào hướng tiếp cận của người nghiên cứu. Tuy nhiên, hiện nay xét về mặt thuật ngữ, hiện tượng xã hội này còn nhiều tranh luận, chưa có sự thống nhất và ngã ngũ. Điều này cũng là băn khoăn của nhiều nhà nghiên cứu khi xem xét vấn đề này. Đối với giới nghiên cứu khoa học, thuật ngữ “hiện tượng tôn giáo mới”² được sử dụng phổ biến. Đối với báo chí, thường sử dụng thuật ngữ “đạo lạ” và một loạt các từ khác, như: Tà đạo, tà giáo, giáo phái.... Trên lĩnh vực quản lý Nhà nước và an ninh tôn giáo thường sử dụng thuật ngữ “tà đạo”, “tà giáo”, “đạo lạ”.... Chính vì lẽ đó, việc nhận diện chúng cũng là một yêu cầu được đặt ra không chỉ định rõ những biểu hiện và bản chất của nó, mà còn có thể gọi mở ra một hướng nhìn nhận và phân loại đầu là yếu tố tôn giáo “hiện tượng” và đâu là yếu tố “tà”, yếu tố “lạ”.

1. Quan điểm của các tác giả nghiên cứu “hiện tượng tôn giáo mới” ở Việt Nam

Ở phương diện này, các tác giả dựa vào những yếu tố căn bản của bản thể luận và các lý thuyết về hiện tượng luận, loại hình học, thực thể tôn giáo để nhận diện.

Tác giả Đặng Nghiêm Vạn trong bài viết *Diễn trình tôn giáo qua lịch sử nhân loại*³ khi xem xét nghiên cứu tôn giáo tiếp cận theo lý thuyết thực thể tôn giáo đã chỉ ra những biểu hiện và biến đổi của tôn giáo theo quá trình lịch sử xuyên thời gian và đa dạng tùy thuộc vào hoàn cảnh địa lý, văn hóa của từng cộng đồng xã hội hay tôn giáo khác nhau. Tôn giáo mới xuất hiện cùng với quá trình xuất hiện tự do tôn giáo, chúng biểu hiện rất khác nhau. Sự nhận diện chúng dựa vào nguồn gốc xuất hiện cho thấy “hiện tượng tôn giáo mới” hoặc phân rẽ từ một tôn giáo chủ lưu, hoặc lắp ghép, hoặc nửa huyền hoặc, nửa khoa học, hướng về thế tục, số đông tín đồ là khép kín. Các tôn giáo chính thống lo ngại vì nội dung giáo lý bị bẻ quẹo, tín đồ bị đánh cắp. Các thế lực chính trị, một mặt đã gắng lợi dụng vào mục đích phi tôn

giáo, mặt khác lo ngại chúng làm mất ổn định xã hội ngay trên chính đất nước mình⁴.

Tác giả Đỗ Quang Hưng cũng cho rằng, việc xác định cơ sở khoa học, phương pháp tiếp cận trong việc nhận diện, đánh giá khách quan về “đạo lạ” trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn, xác định rõ tính chất và nội dung hoạt động của từng “đạo lạ” trên cơ sở nhận diện, phân loại được các loại hình đạo lạ ở Việt Nam hiện nay là vô cùng quan trọng. Từ năm 2001 đến nay, dựa trên những kinh nghiệm nghiên cứu của cá nhân, ông cho rằng việc nhận diện “hiện tượng tôn giáo mới” nên được tiến hành bằng hai phương pháp cơ bản: Một là phương pháp loại hình học (Typology). Phương pháp này giúp người nghiên cứu nhận diện được các tôn giáo mà ít nhất chúng không theo quy luật của các tôn giáo cũ, nhất là về mặt hình thái bên ngoài. Đó là cách sinh hoạt, cách thờ phụng, cách tổ chức. Phương pháp thứ hai, đi vào bản thể hơn, gọi là phương pháp bản thể, tức là đi sâu vào tôn giáo học hơn. Đó là nghiên cứu về đặc trưng tâm kinh, đặc trưng niềm tin... để nhận thức được bản chất của chúng⁵. Tác giả cho rằng, các “hiện tượng tôn giáo mới” ở Việt Nam hiện nay có mấy đặc điểm cơ bản để nhận diện như sau:

- 1) Thời điểm xuất hiện, đa số các “hiện tượng tôn giáo mới” ở nước ta đều xuất hiện từ khoảng thập niên 90 của thế kỷ 20 trở lại đây;
- 2) Khu vực trọng yếu xuất hiện các “hiện tượng tôn giáo mới” ở nước ta hiện nay là Đồng bằng Bắc Bộ. Từ năm 1985 trở lại đây, khu vực này là trung tâm xuất phát của nhiều nhất các “nhóm tôn giáo mới”;
- 3) Những yếu tố mang tính tôn giáo được thể hiện qua lời răn dạy và hướng dẫn thờ cúng, thường là tự sáng tác, chép tay hoặc đánh máy, sau đem đi photocopy để phổ biến rộng rãi hoặc truyền miệng;
- 4) Về cơ cấu tổ chức thường không có hệ thống rõ rệt, ngoài người đề xướng (thường ở từng địa phương), còn một số người được phân công làm Hội trưởng, Hội phó, Thủ quỹ để quản lý số người theo từng địa bàn;
- 5) Hình thức sinh hoạt, theo số lớn vẫn duy trì hướng thiện và tu nhân tích đức, cũng có một số đã đan xen yếu tố mê tín dị đoan. Thậm chí có biểu hiện nội dung chính trị phản động hoặc đòi trục;

6) Người đề xướng đa phần là phụ nữ ở nông thôn và khá đông những người cầm đầu các nhóm phái “tôn giáo mới” là phụ nữ. Hiện nay, lực lượng tham gia các tôn giáo mới ở Việt Nam chủ yếu là các nhóm xã hội thuộc “giới bị loại trừ”, những cán bộ, bộ đội về hưu, thị dân, người thu nhập thấp và rất ít khả năng hội nhập, thích ứng với môi trường sôi động của xã hội thông tin⁶.

Tác giả Vũ Văn Hậu⁷ trong bài viết *Nhận diện hiện tượng tôn giáo mới trong bối cảnh thế giới hiện nay* đưa ra cách nhận diện hiện tượng tôn giáo mới thông qua những đặc điểm:

1) Nhận diện thông qua niềm tin tôn giáo. Các hiện tượng tôn giáo mới bước đầu “phá vỡ” niềm tin tôn giáo truyền thống. Hiện tượng tôn giáo mới tin vào những trải nghiệm cá nhân, những bí ẩn của vũ trụ thông qua ngôn ngữ thần bí;

2) Nhận diện thông qua sự tác động của chúng tới hệ thống văn hóa - xã hội. Xét về mặt phương pháp, mỗi hiện tượng xã hội xuất hiện đều là kết quả của sự vận hành của xã hội, song bất kỳ hiện tượng nào nảy sinh trong xã hội đều có sự tác động hay gây ra hiệu ứng trong xã hội đó. Hiện tượng tôn giáo mới cũng không nằm ngoài quy luật đó;

3) Nhận diện hiện tượng tôn giáo thông qua sự tác động qua lại với chính trị. Có thể việc nhận diện sự tác động của hiện tượng tôn giáo mới với chính trị cần nhìn nhận thông qua việc tổ chức tập hợp lực lượng của người tin theo và nghi lễ thực hành của hiện tượng này.

Đối với các phong trào tôn giáo mới xét về góc độ cơ cấu tổ chức, đây là những hiện tượng cơ cấu tổ chức rất lỏng lẻo. Nghi thức của hiện tượng tôn giáo mới trong việc thu hút người tin theo thường thể hiện bằng phương pháp chữa bệnh. Chữa bệnh bằng việc vận dụng năng lực kiểm soát của trí tưởng tượng.

Tác giả Nguyễn Văn Minh⁸ trong bài viết *Các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam hiện nay* trên cơ sở phân tích về thực trạng và khái quát về hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam dựa trên các tiêu chí nhận diện theo phương pháp cấu trúc chức năng để chỉ rõ các yếu tố cấu thành “hiện tượng tôn giáo mới”.

Trong thời kỳ Pháp thuộc đến đầu thế kỷ 20, các hiện tượng tôn giáo mới xuất hiện đầu tiên và chủ yếu ở Nam Kỳ. Từ năm 1980 đến nay, ở

Việt Nam có khoảng 100 hiện tượng tôn giáo mới. Trong đó, có trên 10 tổ chức du nhập từ nước ngoài, số còn lại đều phát sinh ở trong nước.

Về địa điểm xuất hiện và mức độ phát triển, các hiện tượng tôn giáo mới thời kỳ trước 1975 chủ yếu xuất hiện ở Miền Nam, nhất là vùng Nam Bộ. Trong thời kỳ đổi mới từ 1986 đến đầu thế kỷ 21, chủ yếu lại ở miền Bắc, nhất là vùng Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ;

Về giáo lý và tín đồ, hầu hết các hiện tượng tôn giáo mới đều không có giáo lý, giáo luật và tổ chức rõ ràng, chủ yếu vay mượn từ các tôn giáo, tín ngưỡng khác để sinh hoạt và lôi kéo “tín đồ”, thậm chí mang nhiều nội dung phản tôn giáo, lợi dụng niềm tin để lừa bịp và kiếm lời bất chính. Người tin theo thuộc nhiều thành phần, như: trí thức, văn nghệ sĩ, buôn bán nhỏ, cán bộ, công chức, viên chức, v.v...

Về người “sáng lập” và nội dung hoạt động, phần lớn những người “sáng lập” các hiện tượng tôn giáo mới đều có trình độ học vấn thấp, đa số là nông dân và một số là cán bộ, công nhân, viên chức nhà nước đã nghỉ chế độ hay bị kỷ luật. Những người sáng lập ra các hiện tượng tôn giáo mới là phụ nữ chiếm tỷ lệ khá cao.

Hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới đều lộn xộn và trái pháp luật; tổ chức lỏng lẻo, nghi lễ đơn giản và mang tính ước lệ; tiến hành nhiều hoạt động bất hợp pháp do chưa được công nhận; các sinh hoạt và nghi lễ thường mang tính ma thuật, siêu nhiên kỳ bí, nhất là trong lĩnh vực sức khỏe và đoán định tương lai, cầu may mắn.

Về phương thức truyền đạo, thường thô sơ theo hình thức “thế tục” bí mật và nửa công khai. Kết hợp với các hình thức lôi kéo, dụ dỗ những người cả tin, chịu nhiều thiệt thòi trong cuộc sống.

Tác giả Nguyễn Quốc Tuấn trong bài viết *Về hiện tượng tôn giáo mới*⁹, khi bàn đến hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam đã căn cứ vào những tiêu chí và hệ thống lý thuyết nghiên cứu về tôn giáo mới để nhận diện và chỉ ra các đặc điểm của “hiện tượng tôn giáo mới” ở Việt Nam dựa theo phương pháp tiếp cận lịch sử cụ thể, cho thấy “hiện tượng tôn giáo mới” ở Việt Nam được phân chia theo mốc thời gian của hai giai đoạn: trước năm 1975 và sau năm 1975.

Giai đoạn trước năm 1975, các tôn giáo mới ra đời ở Nam Bộ, như: Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, phong trào các Ông Đạo, là sự tiếp nối

truyền thống tổng hợp kiểu cũ (truyền thống tổng hợp tôn giáo kéo dài trong suốt thời kỳ phong kiến ở Việt Nam với sự tồn tại khuynh hướng Tam giáo đồng nguyên), không có sự phát triển về triết học và siêu hình học, gần như sự tổng hợp những ứng xử tôn giáo căn bản dựa trên một số tín điều đã được đơn giản hóa và được lưu truyền trong dân chúng dưới dạng truyền miệng.

Bên cạnh đó, cũng có sự xuất hiện một tuyến khác gồm các tôn giáo có nguồn gốc Phương Tây, điển hình là các hệ phái Tin Lành, các giáo phái ở Mỹ, Châu Âu đã du nhập vào Miền Nam Việt Nam, như: Cơ Đốc Phục Lâm, Ngũ Tuần, Chứng nhân Jehovah, Trưởng Lão, Menonit, Baptist,... Những giáo phái này thâm nhập cả vào hàng ngũ trí thức, viên chức cao cấp của chế độ Sài Gòn. Giáo lý của các giáo phái này mở ra trước mắt tín đồ triển vọng cá nhân bởi sự tổng hợp cao độ về triết học, tín tưởng và một nghi thức giảm thiểu, gần như phi tổ chức.

Mặt khác, nói đến phong trào tôn giáo ở Việt Nam trước năm 1975 cũng cần nói đến các tộc người ở miền núi và cao nguyên, đặc biệt là vùng thuộc chế độ cũ. Nhưng thay vì một phong trào thuần túy tôn giáo, các hiện tượng này thường ẩn dưới các sắc thái tộc người theo dạng phong trào chính trị - xã hội. Không loại trừ đằng sau là âm mưu chính trị của các thế lực bên ngoài.

Giai đoạn sau năm 1975, nhất là sau năm 1986, có thể nhận diện các hiện tượng tôn giáo mới một cách rõ nét hơn, đó là sự nảy nở nhiều hơn các tôn giáo mới theo các dạng thức đa dạng và phong phú. Thời gian tồn tại của các hiện tượng tôn giáo mới thường không dài, luôn biến động, bất ổn và tiêu vong. Tuy nhiên, cũng có những hiện tượng tôn giáo mới có thời gian tồn tại tương đối dài và trải qua nhiều biến đổi so với giai đoạn mới hình thành.

Từ những phân tích trên theo quan điểm của các nhà nghiên cứu, cho thấy những đặc trưng nhận diện “hiện tượng tôn giáo mới” theo cách tiếp cận này được rút ra như sau:

Về bản chất, có thể thấy các hiện tượng tôn giáo mới đều có một hệ thống giáo lý ở mức sơ khai, khá đơn giản, nhằm biện giải cho cách thức thờ phụng và tìm chỗ đứng để hoạt động. Có thể khẳng định nội

dung tư tưởng cơ bản của đa số hiện tượng tôn giáo mới đều vay mượn từ Phật giáo, Đạo giáo và các hình thức tín ngưỡng dân gian, một số cá biệt vay mượn từ Kitô giáo.

Đa số những người đứng ra thành lập tôn giáo mới thường có những biến động khác thường về đời sống tâm lý, ốm đau, bệnh tật và tự cho mình là người có khả năng thần giao cách cảm, nhìn thấu không gian, thời gian, được tiếp nhận ý chí của đấng thiêng để hình thành nên cái gọi là cứu thế với những lời lý giải rất đơn giản về thế giới, con người để thu hút tâm lý tò mò, dễ tin của tầng lớp nhân dân đang hụt hẫng về đời sống tinh thần, hoặc gặp hoàn cảnh éo le, dễ bị tổn thương. Người đứng đầu hiện tượng tôn giáo mới thường vay mượn giáo lý từ một tôn giáo nào đó, sử dụng một số giá trị của tín ngưỡng dân gian, đưa ra vài lời khuyên răn về đạo đức, lối sống, thậm chí cả họa phúc. Một số còn tuyên truyền thông qua việc bói toán, tướng số, gọi hồn, tạo nên sự huyền hoặc trong tâm lý để tiến hành các hình thức chữa bệnh phản khoa học.

Do giáo thuyết còn ở độ sơ khai nên nghi lễ thờ phụng, phương thức sinh hoạt tôn giáo trong bản thân các hiện tượng tôn giáo mới cũng còn khá mờ nhạt, đơn giản. Đối tượng thờ phụng thường thể hiện rõ tính đa thần, hỗn dung, không theo một quy chuẩn truyền thống nào, mà cũng chưa có những lý giải một cách thuyết phục và sâu sắc về hệ thống thần điện được thờ. Yếu tố thần học chưa được đặt cao, nếu có chăng qua cũng chỉ là sự cải biến từ mô típ của tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống. Thông thường nghi lễ, cơ sở thờ tự thường tập trung ở tư gia của những người sáng lập, hoặc có những nghi lễ mang tính xê dịch như đến chùa, đền, phủ... của các tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống để tiến hành các nghi lễ mà chưa thể hiện được tính khác biệt của mình so với tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống. Khó có thể đoán định được đâu là những nghi lễ của tôn giáo mới, yếu tố mới trong nghi lễ đó là gì.

Giáo thuyết của các hiện tượng tôn giáo mới phần nào phản ánh rõ mối quan hệ giữa bản thân nó và sự phụ thuộc đối với tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống. Các hiện tượng tôn giáo mới thông thường là sự coi trọng tính cá thể trong quan hệ hòa đồng, do đó mục đích cứu thế trong hiện tượng tôn giáo mới hướng tới là nhu cầu cá nhân con

người, quan tâm trực tiếp đến vấn đề trần thế hơn là siêu trần thế, lấy con người là trung tâm chứ không phải lấy thần thánh là trung tâm của sự cứu rỗi.

Giáo thuyết của các hiện tượng tôn giáo mới nổi bật lên là tính cá thể hóa trên hai phương diện hình thức tổ chức với mục đích hướng tới tính hiện thực và nhu cầu cá nhân trong giáo thuyết của mình. Hiện tượng tôn giáo mới lại thường tồn tại dưới hình thức các nhóm nhỏ, có khoảng vài chục đến vài trăm người, tuy nhiên cũng có một số nhóm lớn, nhưng không nhiều. Bởi tồn tại dưới hình thức các nhóm nhỏ nên các tổ chức của các hiện tượng tôn giáo mới cũng rất đơn giản, nhưng phương thức hoạt động lại rất mềm dẻo và linh hoạt, dễ thực hiện các nghi thức hành đạo và luôn hướng đến nhu cầu là sức khỏe và chữa bệnh, hoặc một lợi ích nhóm xã hội, nhóm cộng đồng có tính phổ biến nào đó.

Các hiện tượng tôn giáo mới là sản phẩm của một quá trình hiện đại hóa, thiếu cơ sở lý luận thần học và cơ sở thực tiễn vững chắc nên khả năng tồn tại của phần lớn các hiện tượng này không bền vững, bấp bênh và thoát ải, thoát hiện. Bởi bản chất của chúng là sự vay mượn những ý tưởng tôn giáo, giáo lý, nghi lễ từ tôn giáo truyền thống, chính vì vậy nên khó có thể kiếm tìm được một chỗ đứng tâm linh vững chãi trong đời sống văn hóa tinh thần con người. Nhưng rõ ràng, bản thân các tôn giáo mới luôn biết điểm yếu đó nên những người đứng đầu rất khôn khéo trong việc khai thác, hướng tới nhu cầu cá nhân của những bộ phận nhỏ, đồng thời luôn sẵn sàng thay đổi, bổ sung khi có những biến động xã hội để tác động một cách hiệu quả nhất lên nhận thức và niềm tin của tín hữu. Xã hội có nhiều biến động thì luôn tạo sự chọn lọc nghiêm ngặt đối với tôn giáo mới. Nếu tôn giáo mới nào khô cứng thì tất yếu sẽ diệt vong, đi vào lãng quên. Nhưng ngược lại, bởi đang trong quá trình hình thành, đang ở cấp độ “hiện tượng” để tiến tới chính thể của tôn giáo nên cái hiện tượng ấy luôn vận động để có thể có được sự thích nghi một cách năng động nhất. Đây là cách thức mà các hiện tượng tôn giáo mới ngày nay đang triệt để khai thác và phát huy để dần dần khẳng định ảnh hưởng của mình trong cộng đồng, trong xã hội. Nhiều hiện tượng tôn giáo mới đang “ngấp ngề” giữa bờ vực của sự diệt vong nhưng cũng nhiều

hiện tượng tôn giáo mới đang thay đổi “chiếc áo khoác” từng ngày để đáp ứng sự thiếu hụt tâm linh, thiếu hụt trong đời sống tinh thần, bù đắp những “cô đơn” và “lạc lõng” của con người thời kỳ công nghiệp hóa. Chính vì vậy, dễ dàng nhận thấy tại sao các hiện tượng tôn giáo mới dưới hình thức những nhóm nhỏ ở nơi này vụt tắt, nhưng lại bùng lên ở nơi khác, sự mất đi ở nơi này, nhưng lại xuất hiện ở nơi khác. Có thể nói sự biến thiên và những chiều kích thể tục của các hiện tượng tôn giáo mới luôn là một bài toán chưa có lời giải. Giống như “bông hoa ngũ sắc”, hiện tượng tôn giáo mới hiện nay luôn tỏ ra điệu ảo kỳ lạ nhằm đánh lừa thị giác, tâm thức con người, trái ngược hoàn toàn với các hiện tượng tôn giáo mới từ nửa cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20.

Khác với giáo thuyết của các hiện tượng tôn giáo mới ở Phương Tây, giáo thuyết của các “hiện tượng tôn giáo mới” ở Việt Nam hiện nay không chú tâm đến tính hệ thống lý luận và tính phức tạp của nghi lễ, nhưng cái mà nó luôn coi trọng là tâm lý khốn khó và tính hiện thực xã hội được đặt lên cao hơn cả. Có thể thấy rằng nếu như bản thân giáo thuyết các tôn giáo truyền thống chỉ chú trọng đến linh hồn và những vấn đề thuộc về cứu thế luận, giải thoát luận, thì trái lại, các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam hiện nay lại coi trọng các thể nghiệm trực giác của cơ thể con người và tin rằng thông qua tư duy tích cực có thể điều trị được bệnh tật và khống chế vận mệnh của mình, thông qua thể nghiệm nội tâm để điều hòa, cân bằng bản thân. Chính vì xuất phát từ tư tưởng đó mà một số hiện tượng tôn giáo mới có thể luôn cho rằng tôn giáo của mình là khoa học. Sự tồn tại và phát triển của hiện tượng tôn giáo mới cũng đồng thời một lần nữa khẳng định bản chất “tôn giáo của những niềm tin song song”, khẳng định tính mới được xây dựng trên nền tảng của những thuộc tính, nội dung tư tưởng của các tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống. Mặt khác cũng cho thấy, sự xuất hiện ngày càng nhiều các hiện tượng tôn giáo mới thực sự là phản ánh sự phức tạp của những biểu hiện xã hội, sự xung đột của hiện thực và lịch sử trong ý thức, hành vi của một nhóm người. Sự xuất hiện, tồn tại và phát triển của hiện tượng tôn giáo mới cũng tất yếu cho thấy các nguyên nhân xã hội khách quan và những đòi hỏi chủ quan khi xem xét và nghiên cứu giáo thuyết của hiện tượng tôn giáo mới trên phương diện tinh thần, tâm lý và văn hóa.

2. Quan điểm của người quản lý Nhà nước về tôn giáo và an ninh tôn giáo

Dựa trên những kinh nghiệm quản lý và những chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về tôn giáo, một số tác giả đưa ra các tiêu chí để nhận diện “hiện tượng tôn giáo mới”. Cụ thể: Theo Điều 24¹⁰, *Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*; Điều 47, *Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2015*; Điều 1, điều 2 *Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2004* thì quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo là quyền tự do của mọi người, mỗi người có quyền xuất phát từ ý chí của chính mình để quyết định lựa chọn theo hay không theo một tôn giáo nào đó trên cơ sở niềm tin (đức tin) của mình. Mọi hành vi với danh nghĩa tôn giáo làm trái pháp luật của Nhà nước CHXHCN Việt Nam, trái đạo đức xã hội, trái tự do tín ngưỡng, tôn giáo là hành vi tà đạo. Một giáo phái có mục đích, giáo lý, giáo luật trái pháp luật CHXHCN Việt Nam, trái đạo đức, truyền thống dân tộc Việt Nam, trái tự do tín ngưỡng, tôn giáo là tà giáo¹¹.

Đi theo hướng coi hiện tượng tôn giáo mới là “tà đạo”, tác giả Đặng Ngọc Toàn, trong bài viết *Ý kiến góp phần nhận diện “tà đạo” và giải quyết vấn đề “tà đạo” ở Việt Nam hiện nay*¹², đã chỉ ra các dấu hiệu nhận diện “tà đạo”:

1) Không có hệ thống giáo lý, giáo luật, hoặc cái gọi là “giáo lý”, “giáo luật” được xây dựng trên cơ sở vay mượn, sao chép từ tôn giáo chính thống nhưng đi ngược lại giáo lý của tôn giáo chính thống; mang tính mê tín dị đoan, phản khoa học. Các “nghỉ lễ” thường kỳ quặc, trái thuần phong mỹ tục, gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ thôn xóm, dòng họ, dân tộc, tôn giáo;

2) Người xướng xuất thành lập “tà đạo” là người thế tục nhưng tự “thần thánh hóa”, tự cho rằng được các vị thánh, thần trao cho các quyền linh, có những hành động, lời nói mang tính mê tín dị đoan, hoang tưởng về “khả năng đặc biệt” để lừa bịp, lôi kéo người khác tin theo;

3) Hoạt động không nhằm mục đích tín ngưỡng, tôn giáo mà chủ yếu là mục đích kinh tế, vụ lợi cá nhân, chống chính quyền. Mục đích trực tiếp của các “tà đạo” thường vì lợi ích của người sáng lập và

nhóm người đứng đầu, thể hiện thông qua những hành vi: thu lệ phí vào “đạo”, bán “sắc phong”, “thuốc chữa bệnh” trái phép; khuếch trương thanh thế bằng những luận điệu tuyên truyền mê hoặc quần chúng nhằm vụ lợi; lợi dụng, thổi phồng những vấn đề bức xúc của xã hội, công kích chính quyền, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc lôi kéo quần chúng gây rối an ninh, trật tự;

4) Không được giáo hội các tôn giáo và quần chúng thừa nhận. Thực tế cho thấy, các hiện tượng xã hội liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo xuất hiện ở Việt Nam trong thời gian qua được xác định là “tà đạo” chỉ một nhóm người theo, không được giáo hội các tôn giáo chính thống và quần chúng thừa nhận.

Theo hướng phân biệt, nhận diện “tà đạo” thông qua phân tích những dấu hiệu thuộc về “yếu tố đạo” và “yếu tố tà”, tác giả Vũ Đức Cảnh trong bài viết: *Dấu hiệu nhận biết tà đạo*¹³ ủng hộ việc xác định “yếu tố đạo” dựa trên 05 tiêu chí¹⁴:

1) Có một niềm tin vào một hoặc một số “Đấng siêu nhiên” mà “Đấng siêu nhiên” đó được coi là có vai trò quyết định tới vận mệnh của con người trong cuộc sống hiện tại, cũng như trong cuộc sống ở “thế giới bên kia”;

2) Có hệ thống giáo thuyết (giáo lý, giáo luật, giáo lễ) phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan, thể hiện hệ thống luân lý, đạo đức nhằm giáo dục, rèn luyện tín đồ theo niềm tin tôn giáo hoặc theo lời dạy của các “Đấng siêu nhiên”;

3) Có nơi thờ cúng thể hiện sự hiện diện của các “Đấng siêu nhiên” như đền đài, nhà thờ, thánh thất, chùa chiền... và có những ngày lễ hội lớn, nhỏ để tín đồ thường xuyên củng cố niềm tin tôn giáo bằng các hình thức như tâm niệm, cầu khẩn,... thể hiện sự sùng bái với các “Đấng siêu nhiên”;

4) Có tổ chức nhân sự chức sắc (có thể ít hoặc nhiều với quy mô khác nhau) để điều hành việc đạo của tín đồ và điều hành công việc của nội bộ tôn giáo. Đội ngũ này phải được đào tạo những kiến thức cơ bản về tôn giáo đó;

5) Có số lượng nhất định tín đồ thường xuyên thực hành niềm tin tôn giáo, tự nguyện tin và làm theo hệ thống giáo lý, giáo luật của tôn

giáo đó thừa nhận và chịu sự quản lý, điều hành của tổ chức giáo hội, của chức sắc tôn giáo đó.

Trên cơ sở các tiêu chí đó, tác giả chỉ ra 3 đặc trưng nhận diện “hiện tượng tôn giáo mới” như sau:

1) Có niềm tin vào sự tồn tại sức mạnh siêu tự nhiên, đẳng siêu nhiên hoặc “đời sống mơ ước”;

2) Có cách thức nhất định (nghỉ lễ, điều răn) mà những người bình thường có thể tham gia thực hành để được sức mạnh siêu nhiên đó hỗ trợ trong cuộc sống, được ở nơi có “đời sống mơ ước” đó. Đây là yếu tố mang tính thu hút, làm cho những vấn đề siêu tự nhiên, chỉ có trong mơ ước trở nên gần gũi với đời sống thực tế và con người hy vọng đạt được, có được;

3) Các hoạt động truyền giáo, thu hút người tin theo, thường xuyên thực hành những nghi lễ đó. Yếu tố này giúp phân biệt với một số hiện tượng mê tín như “người trời”, “thánh cậu”,... chỉ là niềm tin và thực hành nhất thời để mong đạt được lợi ích nào đó (sức khỏe, của cải, danh vọng, tình cảm...).

“Yếu tố tà” của các “hiện tượng tôn giáo mới” thường được nhận diện qua các biểu hiện thành những hành vi cụ thể như: Gây tổn hại sức khỏe người khác, làm chết người, hoặc gây sức ép, cản trở, lừa mị người bị bệnh tiếp cận điều trị y tế theo khoa học,...; Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản dưới dạng nộp chi phí làm “lễ”, đóng góp cho các hoạt động của “đạo”, hoặc lừa bịp về những vật “linh thiêng”, mang “sức mạnh siêu nhiên” để bán cho “tín đồ” với giá cao; Tuyên truyền mê tín, dị đoan, thổi phồng những hiểm nguy đe dọa con người, lừa bịp về nguồn gốc sức mạnh, uy quyền siêu nhiên và phương pháp, cách thức, điều kiện để tránh, giảm nhẹ tai họa, đau khổ trong cuộc sống,... để thu hút người tin theo, thu lợi bất chính; Hoạt động chống chính quyền, gây mất trật tự xã hội; Phá hoại chính sách đoàn kết dân tộc, gây mâu thuẫn, chia rẽ trong tôn giáo, gia đình, dòng họ, tộc người,...

Hệ thống lại cả yếu tố “đạo” và yếu tố “tà”, “hiện tượng tôn giáo mới” hay “tà đạo” thường có các dấu hiệu sau để phân biệt, nhận diện:

1) “Giáo chủ” có lý lịch, quá trình hoạt động khá rõ ràng với đầy đủ những nhân tính thể tục, thường có những hành động, lời nói mang

tính hoang tưởng về “khả năng đặc biệt”, thần thánh hóa bản thân, có tâm lý bất bình thường như từng trải qua biến cố ốm đau, điên loạn,...;

2) “Giáo lý” đơn giản, sơ khai, tuyệt đối hóa một số nội dung tư tưởng nào đó của tôn giáo đã được công nhận, hoặc có nội dung phản khoa học, phản văn hóa, mê tín dị đoan và thường đưa ra những giải thích cho việc khá dễ dàng, nhanh chóng để người tham gia được đón nhận “ân phước”, “giải thoát”...;

3) Chức năng cứu rỗi con người nơi trần thế hướng thẳng vào nhu cầu cá nhân thực tại của con người, đáp ứng hi vọng khắc phục được những hụt hẫng trong cuộc sống hiện tại của họ; Những lời khuyên răn có thể cũng hướng thiện, nhưng mang nặng yếu tố mê tín dị đoan, đe dọa những người không tin theo.

Trên cơ sở kế thừa những quan điểm trên của các tác giả về những dấu hiệu nhận diện hiện tượng tôn giáo mới, dựa trên tiêu chí và vận dụng phương pháp thực thể tôn giáo, phương pháp cấu trúc chức năng, và loại hình học để xem xét “hiện tượng tôn giáo mới” theo các tiêu chí của một tôn giáo, chúng tôi tạm khái quát những nội dung cơ bản để nhận diện về “hiện tượng tôn giáo mới” như sau¹⁵:

Một, tiêu chí thuộc về “niềm tin tôn giáo”: “hiện tượng tôn giáo mới” thường sử dụng đáng thiêng của các tôn giáo truyền thống hay hình tượng anh hùng, lãnh tụ có công lao với nhân loại, dân tộc làm “đối tượng thờ cúng”, từ đó xây dựng “niềm tin tôn giáo”. Tuy nhiên, “đối tượng thờ cúng” này thường bị bóp méo, thổi phồng thái quá hoặc gán cho những quyền năng đặc biệt.

Hai, về “giáo lý”, các “hiện tượng tôn giáo mới” đều không có “hệ thống giáo lý” riêng hoàn chỉnh mà chủ yếu chấp vá, vay mượn pha tạp, cải biên từ một số tín điều trong giáo lý của các tôn giáo chính thống.

Ba, “nghĩ lễ” mang nặng yếu tố mê tín dị đoan, lừa bịp, phản khoa học như tuyên truyền về ngày tận thế, xâm hại các chuẩn mực đạo đức, sức khỏe cộng đồng, thậm chí khuyến khích hành xác, đốt bỏ tài sản, tự sát tập thể,....

Bốn, các “hiện tượng tôn giáo mới” không có tổ chức chặt chẽ, rõ ràng, sinh hoạt tôn giáo mang tính chất tự phát. Tín đồ tin, theo các

“hiện tượng tôn giáo mới” khá đa dạng. Đối tượng tuyên truyền mà các “hiện tượng tôn giáo mới” hướng đến trước hết và chủ yếu là những người có trình độ nhận thức hạn chế, điều kiện sống thấp, gặp vấn đề khó khăn, lo lắng, bế tắc trong cuộc sống, sức khỏe,....

Kết luận

Trước sự phát triển của các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam hiện nay, việc nhận diện khách quan về nội dung, đặc điểm của các hiện tượng tôn giáo này góp phần quan trọng không chỉ đối với giới nghiên cứu mà cả các nhà quản lý tôn giáo ở Việt Nam. Cung cấp những cơ sở khoa học để có sự đánh giá khoa học và ứng xử hợp lý đối với các hiện tượng tôn giáo mới đang phát triển mạnh mẽ ở nước ta hiện nay. Cách đánh giá và nhận diện của các nhà nghiên cứu ở Việt Nam về hiện tượng tôn giáo mới cho thấy bản chất của các hiện tượng tôn giáo mới xét đến cùng đều thuộc những hiện tượng xã hội liên quan đến đời sống tâm linh đang trong quá trình hình thành với một hệ thống giáo lý vay mượn, pha tạp và hỗn độn ở mức sơ khai, giản đơn; nghi lễ và hình thức thờ phượng, phương thức sinh hoạt tôn giáo thể hiện rõ tính đa thần, không theo một quy chuẩn nào; hệ thống thần học thiếu cơ sở lý luận và thực tiễn, phần lớn mang tính tạm thời không bền vững; ý tưởng tôn giáo còn nghèo nàn. Mục đích tôn giáo thể hiện rõ những nhu cầu hiện thực hóa của cá nhân và tồn tại dưới các nhóm nhỏ mang “danh” chữa bệnh không dùng thuốc, tu tập, rèn luyện sức khỏe. Cá biệt một số hiện tượng tôn giáo mới thể hiện rõ tính chất “tà giáo” qua những nội dung phản văn hóa, phản giáo dục và chống đối, phá hoại an ninh quốc gia, trật tự và an toàn xã hội./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Hội thảo quốc tế “Chủ nghĩa hậu hiện đại và Phong trào tôn giáo mới ở Việt Nam và thế giới” do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh tổ chức vào ngày 14/6/2013 cho biết ở Việt Nam có khoảng 70-80 hiện tượng tôn giáo mới. <https://thanhnien.vn/thoi-su/viet-nam-dang-hien-dien-khoang-70-80-hien-tuong-ton-giao-moi-473457.html>; Tác giả Nguyễn Văn Minh cung cấp từ năm 1980 đến nay, ở Việt Nam có gần 100 hiện tượng tôn giáo mới (Xem: Nguyễn Văn Minh (2014), “Các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam hiện nay”, *Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 11).
- 2 Thuật ngữ được kế thừa và sử dụng theo cách lý giải của các tác giả nghiên cứu về tôn giáo ở Phương Tây.

- 3 Viện Nghiên cứu Tôn giáo - Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2011), *Nghiên cứu Tôn giáo, tín ngưỡng - Chặng đường 20 năm (1991-2011)*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội: 826-841.
- 4 Viện Nghiên cứu Tôn giáo - Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2011), Sdd: 40.
- 5 Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh (2014), *Chủ nghĩa hậu hiện đại và phong trào tôn giáo mới ở Việt Nam và thế giới*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh: 225.
- 6 Đỗ Quang Hưng (2011), “Mối quan hệ giữa tín ngưỡng và “hiện tượng tôn giáo mới” - Mấy vấn đề lý thuyết và thực tiễn”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3: 10-13.
- 7 Vũ Văn Hậu (2013), “Nhận diện hiện tượng tôn giáo mới trong bối cảnh thế giới hiện nay”, *Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 2: 46-56.
- 8 Nguyễn Văn Minh (2014), “Các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam hiện nay”, *Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 11: 82-94.
- 9 Nguyễn Quốc Tuấn (2011, 2012), “Về hiện tượng tôn giáo mới”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11: 9-21; số 1: 12-18.
- 10 Tại Điều 24, Chương II, Hiến pháp 2013 quy định: “Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật;
Điều 47. Bộ luật Dân sự Việt Nam, năm 2015, quy định Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo: Cá nhân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào; Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.
Điều 1 và 2 Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2004: Điều 1: Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Nhà nước bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Công dân có tín ngưỡng, tôn giáo hoặc không có tín ngưỡng, tôn giáo cũng như công dân có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau phải tôn trọng lẫn nhau; Điều 2: Chức sắc, nhà tu hành và công dân có tín ngưỡng, tôn giáo được hưởng mọi quyền công dân và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công dân. Chức sắc, nhà tu hành có trách nhiệm thường xuyên giáo dục cho tín đồ lòng yêu nước, thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân và ý thức chấp hành pháp luật.
- 11 Nguyễn Bá Ngưng, “Tà đạo và cơ chế pháp lý để nhận diện - xác định”, trong Bộ Công an - Trường Đại học An ninh nhân dân (2014), *Giải quyết vấn đề “Tà đạo ở Việt Nam nhận thức và thực tiễn*, Kỷ yếu Hội Thảo khoa học, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh: 44-45.
- 12 Bộ công an - Trường Đại học An ninh nhân dân (2014), Tlđd: 56-61.
- 13 Bộ công an - Trường Đại học An ninh nhân dân (2014), Tlđd: 131-136.
- 14 Nguyễn Xuân Tư (2011), *An ninh trên lĩnh vực tôn giáo ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội: 16-17.
- 15 Vũ Văn Chung (2016), *Tìm hiểu hiện tượng tôn giáo mới vùng đồng bằng sông Hồng*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 93-101.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Dân vận Trung ương, Vụ Công tác Tôn giáo (2007), *Hỏi đáp một số vấn đề về Đạo lạ ở nước ta hiện nay*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
2. Bednarowski, Mary Farrell (1989), *New Religion and the Theological Imagination in America*, Indiana University press Bloomington and Indianapolis.
3. Trương Văn Chung (Chủ biên, 2017), *Tôn giáo mới - nhận thức và thực tế*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Vũ Văn Chung (2016), *Tìm hiểu hiện tượng tôn giáo mới vùng đồng bằng sông Hồng*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. Hexham, Irving and Powe, Karla (1987), *Understanding Cults and New Religions*, William B. Eerdmans publishing company, Grand Rapids, Michigan.
6. Hunt, Stephen J. (2002), *Religion in Western Society*, The British Sociological Association.
7. Đỗ Quang Hưng (2010), *Nghiên cứu tôn giáo - Nhân vật và sự kiện*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Lewis, Jams R. (2003), *New Religious Moverments*, The Oxford Handbook of, Oxford University Press.
9. Patridge Ch. (2004), *Handbook of the New Religion*, Oxford University.
10. Saliba, John A. (2003), *Understanding New religious movement*, Alta Mira Press, USA.
11. Sung - Hae King and Iames Heisig (2008), *Encounters the New Religions of Korea and Christianity*, The Royal Asiatic Society Korea Branch Souel.
12. Ngô Hữu Thảo (Chủ biên, 2014), *Đạo lạ ở Hà Nội hiện nay và những vấn đề đặt ra*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
13. Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo (2013), *Quan điểm của các học giả Âu - Mỹ về phong trào tôn giáo mới*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
14. Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo (2014), *Chủ nghĩa hậu hiện đại và phong trào tôn giáo mới ở Việt Nam và Thế giới*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
15. Tạ Chí Đại Trùng (2006), *Thần Người và Đất Việt*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
16. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2008), *Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
17. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (1994), *Những vấn đề tôn giáo hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
18. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2011), *Nghiên cứu Tôn giáo, tín ngưỡng, chặng đường 20 năm (1991-2011)*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
19. Wilson B. and Cresswell J. (2001), *New Religious Movements-Challenge and response*, in association with the Institute of Oriental Philosophy European Centre, London and New York.

Abstract**IDENTIFYING “NEW RELIGIOUS PHENOMENA”
- VIEWS FROM THE CONTEMPORARY VIETNAMESE
RESEARCHERS**

In Vietnam, in recent years, the emergence and development of new religious movement has attracted the attention of the Vietnamese and foreign researchers. The articles explained the theoretical and practical issues such as the term of “new religious phenomenon”, characteristics and causes of emergence and development, the reality and assessment of the effects to social life. In particular, they indicated the intrinsic nature as well as the external signs in order to determine “what is a new religious phenomenon”. Based on the analysis and synthesis of the Vietnamese researchers’ views on the new religious phenomenon, this article analyzes and assesses the criteria for identification a “new religious phenomenon”.

Keywords: New religious phenomenon, identify, viewpoint, Vietnam.